

Bản án số: 116/2021/HS-ST

Ngày: 09/7/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đào N Anh;

2- Ông Lương Văn Thoại

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K- Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/HSST - QĐ, ngày 17/6/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị M**; (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1980; tại: Hà Nội; giới tính: Nữ; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tổ, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1956 và con bà: Dương Thị L, sinh năm 1968; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng là: Nguyễn Văn Tuyền, sinh năm 1982; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; danh chỉ bản số 0262 lập ngày 12/4/2021 tại Công an huyện K, thành phố Hà Nội; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 05/4/2021 đến ngày 11/4/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Đức T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T Dương, xã K, huyện K, Thành phố Hà Nội.
(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Chị Hà Thị Thu T2, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã P, huyện M, tỉnh Thái Bình

Nơi ở: Thôn Lê Xá, xã Y, huyện K, Thành phố Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

- Chị N Thị E, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện K, Thành phố Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/04/2021, Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974, trú tại: thôn V, Dương Xá, K rủ Lê Đức T, sinh năm 1974 và Vũ Quang N, sinh năm 1978, trú tại: thôn Quang T, F, K đến quán Bia ở Y, K uống rượu. Khi đến quán, Nguyễn Ngọc T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị M bảo M rủ thêm người đến uống rượu cùng. Khoảng 10 phút sau, M cùng Hà Thị Thu T2 đến quán Bia uống rượu cùng mọi người. Ngồi được một lúc, T2 có việc đi về quán cà phê thư giãn của M ở Lê Xá, Y, K. Trong lúc ngồi ăn nói chuyện với nhau thì Lê Đức T biết M có mở quán tẩm quất thư giãn và T2 là nhân viên của M nên Lê Đức T nảy sinh ý định muốn mua dâm với T2 nên Đức T nói với M, do Đức T chơi lô đề đen quá, nên M cho Đức T đi chơi với Thuỷ để giải đen thì M hiểu là T muốn đi quan hệ tình dục mua bán dâm với T2 đồng thời T đưa cho M 800.000 đồng, M cầm tiền Đức T đưa, sau đó M sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho T2 qua ứng dụng Zalo bảo T2 ra quán Bia để đi quan hệ tình dục với khách. T2 đồng ý và đi ra quán cùng Lê Đức T đi vào nhà nghỉ N Long thuê phòng 202 để quan hệ tình dục. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày thì tổ công tác Đội CSĐT về TTXH Công an huyện K kiểm tra Nhà nghỉ N Long ở đội 13 thôn X, xã Y, huyện K, thành phố Hà Nội phát hiện tại phòng 202 của Nhà nghỉ có Lê Đức T và Hà Thị Thu T2 có quan hệ tình dục mua, bán dâm với nhau. Tổ công tác tiến hành mời Đức T Và Thuỷ về trụ sở Công an huyện K làm việc.

Vật chứng Cơ quan CSĐT - Công an huyện K thu giữ: - 01 bao cao su đã qua sử dụng kèm theo vỏ bao cao su có chữ Eros; - Thu giữ của T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, có số sim 0964848330, đã qua sử dụng; - Thu giữ của M: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu đỏ, có số sim 1: 0944036416, số sim 2: 0976264804 đã qua sử dụng và số tiền 800.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện K, Nguyễn Thị M đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số 111/CT-VKSGL, ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị M ra trước Tòa về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Thị M đã thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận ngày 05/4/2021 bị cáo đã có hành vi môi giới mại dâm cho Lê Đức T là khách mua dâm quan hệ tình dục với Hà Thị Thu T2 là gái bán dâm với giá 800.000 đồng để kiếm lời lấy tiền tiêu sài cho bản thân là sai, vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 111/CT-VKSGL, ngày 14/6/2021. Trong phần luận tội đã phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Môi giới mại dâm”. Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M mức án phạt tù từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tuyên:

Tịch thu và tiêu hủy: - 01 bao cao su đã qua sử dụng kèm theo vỏ bao cao su có chữ Eros; Tịch thu và sung vào Ngân sách Nhà nước: - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, có số sim 0964848330, đã qua sử dụng; - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu đỏ, có số sim 1: 0944036416, số sim 2: 0976264804, đã qua sử dụng và số tiền 800.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị M sau khi nghe quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, ý kiến của luật sư bị cáo nhất trí và bị cáo thừa nhận có tội và thừa nhận hành vi môi giới mại dâm cho Lê Đức T là khách mua dâm quan hệ tình dục với Hà Thị Thu T2 là gái bán dâm với giá 800.000 đồng để kiếm lời lấy tiền tiêu sài cho bản thân là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị M: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người làm chứng và các biên bản tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 12 giờ ngày 05/04/2021, Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974, trú tại: thôn V, Dương Xá, K rủ Lê Đức T, sinh năm 1974 và Vũ Quang N, sinh năm 1978, trú tại: thôn Quang T, F, K đến quán Bia ở Y, K uống rượu. Khi đến quán, Nguyễn Ngọc T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị M bảo M rủ thêm người đến uống rượu cùng. Khoảng 10 phút sau, M cùng Hà Thị Thu T2 đến quán Bia uống rượu cùng mọi người. Ngồi được một lúc, T2 có việc đi về quán cà phê thư giãn của M ở Lê Xá, Y, K. Trong lúc ngồi ăn nói chuyện với nhau thì Lê Đức T biết M có mở quán tẩm quất thư giãn và T2 là nhân viên của M nên Lê Đức T nảy sinh ý định muốn mua dâm với T2 nên Đức T nói với M, do Đức T chơi lô đề đen quá, nên M cho Đức T đi chơi với Thủy để giải đen thì M hiểu là T muốn đi

quan hệ tình dục mua bán dâm với T2 đồng thời T đưa cho M 800.000 đồng, M cầm tiền Đức T đưa, sau đó M sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho T2 qua ứng dụng Zalo bảo T2 ra quán Bia để đi quan hệ tình dục với khách. T2 đồng ý và đi ra quán cùng Lê Đức T đi vào nhà nghỉ N Long thuê phòng 202 để quan hệ tình dục. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày thì tổ công tác Đội CSĐT về TTXH Công an huyện K kiểm tra Nhà nghỉ N Long ở đội 13 thôn X, xã Y, huyện K, thành phố Hà Nội phát hiện tại phòng 202 của Nhà nghỉ có Lê Đức T và Hà Thị Thu T2 có quan hệ tình dục mua, bán dâm với nhau. Tổ công tác tiến hành mời Đức T Và Thuỷ về trụ sở Công an huyện K làm việc.

[3]. Vật chứng Cơ quan CSĐT - Công an huyện K thu giữ: - 01 bao cao su đã qua sử dụng, kèm theo vỏ bao cao su có chữ Eros; - Thu giữ của T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, có số sim 0964848330, đã qua sử dụng; - Thu giữ của M: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu đỏ, có số sim 1: 0944036416, số sim 2: 0976264804, đã qua sử dụng và số tiền: 800.000 đồng

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 05/04/2021 tại xã Y, huyện K, Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thị M đã có hành vi môi giới mại dâm cho Lê Đức T là khách mua dâm quan hệ tình dục với Hà Thị Thu T2 là gái bán dâm với giá 800.000 đồng. Khi Đức T và T2 đang quan hệ tình dục với nhau trong phòng 202 ở nhà nghỉ N Long thì bị tổ công tác Đội CSĐT về TTXH Công an huyện K kiểm tra, phát hiện bắt giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, truy tố bị cáo Nguyễn Thị M ra trước Tòa án theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6]. Xét tính chất vụ án: Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, trị an xã hội, xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, xâm phạm đến sức khỏe của con người. Mại dâm là một tệ nạn xã hội gây ra nhiều tác hại cho mọi mặt của đời sống con người. Bị cáo Nguyễn Thị M là người trưởng thành có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng

lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật. Mặc dù bị cáo nhận thức được việc môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng ngày 05/4/2021 bị cáo đã có hành vi môi giới mại dâm để kiếm lời lấy tiền tiêu sài cho bản thân. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh và giành cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[7]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình để Cơ quan cảnh sát điều tra, điều tra kết thúc vụ án sớm. Ngoài ra, đây là lần đầu bị cáo bị truy tố, xét xử. Vì vậy, bị cáo M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[8]. Về Áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa, chống tội phạm chung.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng kèm theo vỏ bao cao su có chữ Eros. Đây là vật chứng liên quan đến tội phạm và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, có số sim 0964848330, đã qua sử dụng thu giữ của T2 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu đỏ, có số sim 1: 0944036416, số sim 2: 0976264804; đã qua sử dụng thu giữ của M. Đây là vật chứng liên quan đến tội phạm vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 800.000 đồng tạm giữ của bị cáo M là tiền thu lợi do phạm tội mà có nên cần tịch thu và sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10]. Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với Lê Đức T là người mua dâm và Hà Thị Thu T2 là gái bán dâm, Công an huyện K đã ra quyết định xử lý phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Đức T và Thu Thủy.

Đối với nhà nghỉ N Long do chị N Thị E, sinh 1985 ở X, Y, K là chủ kinh doanh, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng khi Lê Đức T và Hà Thị

Thu T2 đến thuê phòng, chị E không biết T và T2 thuê phòng để thực hiện hành vi mại dâm nhưng khi Lê Đức T và Hà Thị Thu T2 đến thuê phòng thì chị E không vào sổ sách theo dõi quản lý. Do vậy, Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị M** phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Nguyễn Thị M **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

3. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 bao cao su kèm vỏ bao, đã qua sử dụng.

Tịch thu và sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động OPPO A9 màu xanh nước biển, có số IMEI1: 860028040990376, IMEI1: 860028040990368 đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A20 màu đỏ, có số IMEI1: 357086104738909, IMEI2: 357087104738907 đã qua sử dụng.; số tiền 800.000 đồng.

*(Sổ vật chứng, tài sản trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện K đang quản lý theo Biên bản bàn giao vật chứng, tài sản lập ngày 15/6/2021 và biên lai thu tiền số **AA/2020/0054783** ngày **16/6/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K).*

4. Áp dụng Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; những người tham gia tố tụng
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- UBND phường Thạch Bàn, quận Long Biên, tp. Hà Nội
- (Thay cho thông báo kết quả xét xử)
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội
- Công an, VKSND huyện K
- THADS huyện K
- Lưu: Vp; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thành Nam

Bản án gốc này có 08 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- UBND xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn
(Thay cho thông báo kết quả xét xử)
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội
- Công an, VKSND huyện K
- THADS huyện K
- Lưu: Vp; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thành Nam

Bản án gốc này có 09 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- UBND phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
(Thay cho thông báo kết quả xét xử)
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội
- Công an, VKSND huyện K
- THADS huyện K
- Lưu: Vp; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thành Nam

Bản án gốc này có 09 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- UBND phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
(Thay cho thông báo kết quả xét xử)
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội
- Công an, VKSND huyện K
- THADS huyện K
- Lưu: Vp; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thành Nam

Bản án gốc này có 05 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Bản án gốc này có 05 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Gia L©m, ngày 13 tháng 4 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự

Bà Nguyễn Thị Chấn

Căn cứ vào Điều 199 và điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự

Ngày 13 tháng 4 năm 2017, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện K, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm đã thụ lý số 25/2017/TLST-HS, ngày 13/4/2017 đối với bị cáo Lê Quang Minh bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội truy tố về tội “Trộm cắp Tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 138 – Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, Tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Quang Minh phạm tội “Trộm cắp Tài sản”.
Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 138, điều 18; khoản 1,3 điều 52; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 33- Bộ luật hình sự

Áp dụng điểm a,đ khoản 2 Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự
Áp dụng điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

1. Về mức hình phạt: Xử phạt: Lê Quang Minh 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06.01.2017. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Quang Minh 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

4. Về vật chứng: tịch thu để tiêu hủy 01 đoạn vạm phá khóa bằng kim loại dài 06cm hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/3/2017). Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

6. Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

Biên bản nghị án này gồm có 01 tờ. Tại phòng nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ biên bản nghị án này, công nhận là đúng và đầy đủ và ký xác nhận dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa